

**BẢNG TỔNG HỢP SO SÁNH DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ THÔNG TƯ SỐ 16/2013/TT-BGTVT, THÔNG TƯ SỐ 50/2016/TT-BGTVT VÀ THÔNG TƯ SỐ 48/2018/TT-BGTVT**

*(Ban hành kèm theo Công văn số /TTr-CHHVN ngày tháng năm 2022 của Cục Hàng hải Việt Nam)*

<b>THÔNG TƯ SỐ 16/2013/TT-BGTVT</b>	<b>DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG</b>	<b>SỬA ĐỔI, BỔ SUNG</b>
<p><i>Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;</i></p> <p><i>Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;</i></p> <p><i>Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam,</i></p>	<p><i>Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004;</i></p> <p><i>Căn cứ sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;</i></p> <p><i>Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam;</i></p> <p><i>Căn cứ Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài.</i></p> <p><i>Căn cứ Thông tư số 48/2018/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài. Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;</i></p> <p><i>Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.</i></p>	<p>Cập nhật một số văn bản quy phạm pháp luật, bổ sung căn cứ liên quan đến chỉ đạo của Chính phủ về phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải</p>

**Điều 3. Thủ tục đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo**

Thủ tục đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này được thực hiện như sau:

1. Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến cảng vụ hàng hải khu vực hồ sơ đăng ký vận tải hành khách cố định, hồ sơ gồm:

a) Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

b) Ý kiến thống nhất bằng văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức quản lý cảng, bến cho phương tiện vào đón, trả hành khách.

c) Các bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu), bao gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư, trong đó có nội dung ngành nghề vận tải hành khách đường thủy;

- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện;

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện còn hiệu lực và phù hợp với tuyến hoạt động.

2. Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cảng vụ hàng hải khu vực gửi xin ý kiến bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải nơi có cảng, bến đón trả khách do địa phương quản lý. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc.

3. Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc sau khi nhận được đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, cảng vụ hàng hải khu vực xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ các giấy tờ theo quy định thì có văn bản chấp thuận cho tổ chức, cá nhân vận tải khách cố định trên tuyến. Trường hợp không thỏa

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam như sau:**

“1. Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính **hoặc gửi trực tuyến qua Cổng dịch vụ công** đến cảng vụ hàng hải khu vực hồ sơ đăng ký vận tải hành khách cố định, hồ sơ gồm:

a) Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

b) Ý kiến thống nhất bằng văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức quản lý cảng, bến cho phương tiện vào đón, trả hành khách.

c) Các bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) hoặc **bản điện tử, bản sao điện tử** có giá trị pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp, bao gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư, trong đó có nội dung ngành nghề vận tải hành khách đường thủy;

- Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện;

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện còn hiệu lực và phù hợp với

Bổ sung hình thức nộp hồ sơ “hoặc bản điện tử, bản sao điện tử có giá trị pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp”

<p>mãn các điều kiện quy định thì trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.</p>	<p>tuyên hoạt động.”</p>	
<p><b>THÔNG TƯ SỐ 50/2016/TT-BGTVT</b></p>	<p><b>DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG</b></p>	
<p><i>Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;</i></p> <p><i>Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,</i></p> <p><i>Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài.</i></p>	<p><i>Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;</i></p> <p><i>Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004;</i></p> <p><i>Căn cứ sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;</i></p> <p><i>Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam;</i></p> <p><i>Căn cứ Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài.</i></p> <p><i>Căn cứ Thông tư số 48/2018/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài. Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Hàng</i></p>	<p>Cập nhật một số văn bản quy phạm pháp luật, bổ sung căn cứ liên quan đến chỉ đạo của Chính phủ về phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải</p>

	<p><i>hải Việt Nam;</i></p> <p><i>Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.</i></p>	
<p><b>Điều 6. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải biển nội địa</b></p> <p>Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải biển nội địa bao gồm:</p> <p>1. Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>2. 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận Đăng ký tàu biển.</p> <p>3. 01 (một) bộ hồ sơ đăng kiểm tàu biển bao gồm các Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển (bản sao) theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-BGTVT ngày 16/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về danh mục Giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam.</p> <p>4. 01 (một) bản sao có công chứng Hợp đồng đại lý hoặc 01 (một) bản sao có chứng thực giấy chỉ định đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài (trong trường hợp tổ Chức đề nghị là đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài) hoặc 01 (một) bản sao có công chứng Hợp đồng thuê tàu giữa chủ tàu nước ngoài với pháp nhân Việt Nam.</p>	<p><b>Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài</b></p> <p>1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 6 như sau:</p> <p>“4. 01 (một) bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện) <b>hoặc bản điện tử, bản sao điện tử có giá trị pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp</b> một trong các loại giấy tờ sau: Hợp đồng đại lý hoặc Giấy chỉ định đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài (trong trường hợp tổ chức đề nghị là đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài) hoặc Hợp đồng thuê tàu giữa chủ tàu nước ngoài với pháp nhân Việt Nam.”</p> <p>2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 5 Điều 7 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:</p> <p>“1. Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài hoặc pháp nhân Việt Nam thuê tàu từ chủ tàu nước ngoài nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc <b>gửi trực tuyến qua Cổng dịch vụ công.</b>”;</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:</p> <p>“5. Bộ Giao thông vận tải trả kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc <b>qua Cổng dịch vụ công</b> đến chủ tàu hoặc đại lý đại</p>	<p>Bổ sung hình thức nộp hồ sơ “hoặc bản điện tử, bản sao điện tử có giá trị pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp”</p>
<p><b>Điều 7. Trình tự tiếp nhận, xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép vận tải biển nội địa</b></p> <p>1. Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài hoặc pháp nhân Việt Nam thuê tàu từ chủ tàu nước ngoài nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp</p>		

<p>khác đến Cục Hàng hải Việt Nam.</p> <p>...</p> <p>5. Bộ Giao thông vận tải trả kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu; đồng thời sao gửi đến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Cục Hàng hải Việt Nam để phối hợp quản lý, theo dõi.</p>	<p>diện cho chủ tàu; đồng thời sao gửi đến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Cục Hàng hải Việt Nam để phối hợp quản lý, theo dõi.”.</p> <p>3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 5 Điều 9 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:</p> <p>“1. Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài nộp một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc <b>gửi trực tuyến qua Cổng dịch vụ công.</b>”;</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:</p> <p>“5. Bộ Giao thông vận tải trả kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc <b>qua Cổng dịch vụ công</b> đến chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu; đồng thời sao gửi đến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Cục Hàng hải Việt Nam để phối hợp quản lý, theo dõi.”.</p>	
<p><b>Điều 9. Trình tự tiếp nhận, xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép vận tải biển nội địa</b></p> <p>1. Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài nộp một (01) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Thông tư này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam.</p> <p>...</p> <p>5. Bộ Giao thông vận tải trả kết quả qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu; đồng thời sao gửi đến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Cục Hàng hải Việt Nam để phối hợp quản lý, theo dõi.</p>	<p>4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 10 như sau:</p> <p>“4. 01 (một) bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện) <b>hoặc bản điện tử, bản sao điện tử có giá trị pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp</b> một trong các loại giấy tờ sau: Hợp đồng đại lý hoặc Giấy chỉ định đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài (trong trường hợp tổ chức đề nghị là đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài).”</p> <p>5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 11 như sau:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:</p> <p>“1. Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này</p>	
<p><b>Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải biển nội địa</b></p> <p>Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải biển nội địa bao gồm:</p> <p>1. Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.</p> <p>2. 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận Đăng ký tàu biển.</p> <p>3.1 (một) bộ hồ sơ đăng kiểm tàu biển bao gồm các Giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển (bản sao) theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-BGTVT ngày 16/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về danh mục Giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn,</p>		

<p>kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam.</p> <p>4. 01 (một) bản sao có công chứng Hợp đồng đại lý hoặc 01 (một) bản sao có chứng thực giấy chỉ định đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài (trong trường hợp tổ chức đề nghị là đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài).</p> <p>5. Phương án chi tiết việc thực hiện vận chuyển hành khách và hành lý từ tàu khách du lịch vào đất liền và ngược lại.</p>	<p>trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính <b>hoặc gửi trực tuyến qua Cổng dịch vụ công</b> đến Cảng vụ Hàng hải tại khu vực mà tàu khách du lịch neo đậu.”;</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:</p> <p>“4. Cảng vụ Hàng hải trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua <b>Cổng dịch vụ công</b> đến chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu; đồng thời sao gửi đến Cục Hàng hải Việt Nam để báo cáo.”.</p>	
<p><b>Điều 11. Trình tự tiếp nhận, xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép vận tải biển nội địa</b></p> <p>1. Chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu nước ngoài nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ Hàng hải tại khu vực mà tàu khách du lịch neo đậu.</p> <p>....</p> <p>4. Cảng vụ Hàng hải trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến chủ tàu hoặc đại lý đại diện cho chủ tàu; đồng thời sao gửi đến Cục Hàng hải Việt Nam để báo cáo.</p>	<p><b>Điều 3. Hiệu lực thi hành</b></p> <p>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.</p> <p>2. Bãi bỏ Thông tư số 48/2018/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài.</p>	<p>Bổ sung Khoản 2 bãi bỏ Thông tư 48/2018/TT- BGTVT</p>
	<p><b>Điều 4. Tổ chức thực hiện</b></p> <p>Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường</p>	

	thủy nội địa, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.	
--	---	--